

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/8/2018

V/v “*Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Cao Trọng Mãnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thu B, (tên gọi khác L), sinh năm 1968 (*có mặt*);

HKTT: Tổ 21 khu phố K, phường H, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm 766 đường T, khu phố 1, phường H, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:* Ông Trương Văn Ê, sinh năm 1968 (*có mặt*);

Địa chỉ: Tổ 21 khu phố K, phường H, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/6/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B trình bày:* Bà B và ông Ê quen nhau do mai mối, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 giữa bà và ông Ê xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2013 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà B làm đơn xin ly hôn với ông Ê.

Về con chung: Bà B xác định có 03 người con chung tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 01/4/1996 (đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự), Trương Thái H, sinh ngày 02/9/2000, Phạm Thái T1, sinh ngày 17/5/2004.

Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thái H và cháu Thái T1, không yêu cầu ông Ê cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà B xác định không có.

Tại phiên tòa, bà B giữ nguyên phần trình bày, không bổ sung ý kiến gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 09/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trương Văn Ê trình bày: Ông và bà B quen nhau do mai mối, tiến tới hôn nhân vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.*

Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2012 do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả; đã sống ly thân với nhau từ khoảng năm 2013 đến nay. Nay bà B làm đơn xin ly hôn, thì ông Ê có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ê đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Thu B.

- Về con chung: Ông Ê xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 01/4/1996 (đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự); Trương Thái H, sinh ngày 02/9/2000; Phạm Thái T1, sinh ngày 17/5/2004.

Ông Ê đồng ý giao cháu Thái H và cháu Thái T1 cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ông Ê không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Ê xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Ê xác định không có.

Tại phiên tòa, ông Ê giữ nguyên phần trình bày, không bổ sung ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trương Văn Ê. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Thu B và ông Trương Văn Ê kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không giá trị pháp lý”.

Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thu B và ông Trương Văn Ê, là phù hợp với quy định pháp luật.

Về con chung: Bà B và ông Ê xác định có 03 người con chung tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 01/4/1996 (đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự); Trương Thái H, sinh ngày 02/9/2000; Phạm Thái T1, sinh ngày 17/5/2004.

Bà B và ông Ê thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Thái H và Thái T1 cho bà B nuôi dưỡng. Hơn nữa tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày

10/8/2018 của Thái T1 và Thái H xác định nếu cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Bà B không yêu cầu ông Ê cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Trương Văn Ê xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Trương Văn Ê xác định không có.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bà Phạm Thị Thu B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà B được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004922 ngày 27/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thu B với ông Trương Văn Ê.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Thái H, sinh ngày 02/9/2000 và Phạm Thái T1, sinh ngày 17/5/2004 cho bà Phạm Thị Thu B nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu ông Ê cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Văn Ê được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Trương Văn Ê xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Trương Văn Ê xác nhận không có.

5. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Thu B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà B được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004922 ngày 27/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên bà B không phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN